

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030
về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, nhận thức của cán bộ, Đảng viên và Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của biển, đảo trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo được nâng cao. Kinh tế biển và vùng ven biển tiếp tục giữ vai trò động lực quan trọng trong phát triển của tỉnh; tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn các địa phương có biển chiếm 90,9% tổng giá trị sản phẩm toàn tỉnh. Công tác giảm nghèo khu vực ven biển được triển khai đồng bộ gắn với phát triển kinh tế biển và xây dựng nông thôn mới, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Công tác bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường; 02/03 khu công nghiệp ven biển đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt 81%, chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương ven biển đạt 90%; công tác bảo tồn hệ sinh thái biển tiếp tục được chú trọng; tỷ lệ che phủ rừng tại các xã, phường ven biển và đặc khu Lý Sơn đạt 26,94%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; chất lượng cuộc sống người dân được cải thiện; quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới biển được tăng cường, giữ vững. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được quan tâm đầu tư. Đối với đặc khu Lý Sơn, giai đoạn 2021 - 2025 tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 5,23%/năm; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ (chiếm 42,74%), nông nghiệp chiếm 43,92%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 13,34%; kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ, nhiều công trình trọng điểm như Trung tâm Y tế quân dân y kết hợp Lý Sơn, cảng Bến Đình hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Một số ngành kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế như du lịch

biển chưa có sự chuyển biến rõ nét, thiếu sự liên kết giữa các điểm du lịch trong tỉnh và liên tỉnh; chưa hình thành các sản phẩm du lịch đường thủy đặc sắc. Hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa cao. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tạo động lực cho thu hút đầu tư để phát triển kinh tế và đô thị ven biển. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển còn nhiều bất cập; ô nhiễm môi trường vùng ven biển, hải đảo vẫn diễn ra; một bộ phận ngư dân còn thiếu hiểu biết pháp luật về biển gây khó khăn trong công tác “gỡ” thẻ vàng IUU. Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, xói lở bờ biển, xâm nhập mặn gặp nhiều khó khăn; chất lượng giáo dục, đào tạo và giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe Nhân dân còn hạn chế,...; khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế biển.

3. Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau: Việc triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế biển chưa quyết liệt; hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật thiếu đồng bộ, chưa tạo được đột phá cho phát triển kinh tế biển. Vùng biển của tỉnh chịu tác động thường xuyên của thiên tai, bão lũ với cường độ lớn, tần suất cao; biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, gây thiệt hại lớn về kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân. Sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái chưa thực chất. Nguồn lực của ngân sách nhà nước và xã hội cho phát triển kinh tế biển còn nhiều khó khăn. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biển hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa cao; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu,...

II. QUAN ĐIỂM

1. Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, không gian phát triển chiến lược, là cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kinh tế biển có vai trò động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với nâng cao đời sống cho người dân, giữ vững quốc phòng, an ninh, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

2. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, chuyển đổi từ khai thác sang quản trị không gian biển; thúc đẩy kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và các ngành kinh tế biển mới, phát huy tiềm năng, lợi thế của biển tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Phát triển kinh tế biển phải hài hoà giữa bảo tồn và phát triển; đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa bảo vệ môi trường biển, bảo vệ và bảo tồn hệ sinh thái biển, kiên quyết không đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát triển các giá trị đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển; bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái từ đất liền ra biển; phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát

chặt chẽ ô nhiễm, sự cố môi trường biển. Quản lý hiệu quả Khu bảo tồn biển Lý Sơn; thành lập, mở rộng các khu bảo vệ sinh cảnh, gắn với sinh kế của người dân, bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển; chủ động nâng cao khả năng chống chịu; phòng, chống thiên tai kết hợp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Kinh tế biển phát triển nhanh và bền vững trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tài nguyên biển được khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo tồn hệ sinh thái biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Các hoạt động, khai thác sử dụng tài nguyên biển để phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển phải trong khả năng phục hồi của các hệ sinh thái biển và đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển. Chất lượng cuộc sống người dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững.

b) Mục tiêu cụ thể

- *Về đóng góp của kinh tế biển*: Tổng giá trị sản phẩm của các xã, phường, đặc khu có biển đóng góp trên 65% tổng giá trị sản phẩm của toàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đạt từ 10%/năm trở lên; tốc độ tăng trưởng của ngành thủy sản đạt 4,18%/năm, trong đó sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030 đạt 267.882 tấn, tỷ lệ sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng chứng nhận, kiểm soát khai thác hợp pháp đạt 100%. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 30% trong GRDP của tỉnh.

- *Về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số*: Tối thiểu 60% doanh nghiệp hoạt động trong các ngành kinh tế biển ứng dụng công nghệ số, AI, dữ liệu lớn hoặc IoT trong quản trị, sản xuất, kinh doanh.

- *Về môi trường, kinh tế biển xanh và khả năng chống chịu*: Quản lý, bảo vệ và tăng diện tích khu bảo tồn biển Lý Sơn, các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản phần đầu góp phần đạt 06% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; tỷ lệ che phủ rừng ở các xã, phường có biển đạt 16,66%; có 98% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn; 95% chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom và xử lý theo quy định ở các xã, phường có biển; 100% khu công nghiệp ven biển thuộc Khu kinh tế Dung Quất đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành ổn định, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

- *Về đóng góp cho các mục tiêu xã hội*: Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh thuộc nhóm trung bình chung của cả nước; thu nhập bình quân đầu người của tỉnh tăng bình quân 09% - 10%/năm; phấn đấu đến năm 2030 các xã, phường, đặc khu có

biển cơ bản không còn hộ nghèo; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

- *Phát triển kinh tế - xã hội tại đặc khu Lý Sơn*: Giai đoạn 2026 - 2030, tốc độ tăng trưởng kinh tế của đặc khu Lý Sơn đạt 6,5%; đến năm 2030, thương mại - dịch vụ chiếm 50,2%; nông nghiệp chiếm 37,2%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 12,6%; đảm bảo 100% người dân được tiếp cận điện, nước sạch, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục. Xây dựng đặc khu Lý Sơn thành đảo du lịch sinh thái gắn với phát triển đô thị xanh, thông minh và các căn cứ dịch vụ hậu cần trên biển. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, môi trường, trong đó tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 8,32%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đạt 95% trở lên; 100% chất thải y tế được xử lý theo quy định.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh Quảng Ngãi phấn đấu duy trì tình phát triển khá của cả nước, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, kinh tế biển phát triển nhanh, bền vững, giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt trong cơ cấu nền kinh tế. Đời sống tinh thần của Nhân dân vùng ven biển, đảo được nâng cao; quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển

- Các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục quán triệt, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển, đảo trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển bền vững kinh tế biển. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về biển, đảo theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng; tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tinh thần yêu nước, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ quyền, quyền chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam trên Biển Đông; phát huy vai trò của người dân trong tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo và giữ gìn an ninh, trật tự trên biển.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản trị tài nguyên biển; đổi mới tư duy từ quản lý theo ngành sang quản lý theo không gian, dựa trên chức năng của hệ sinh thái, bảo đảm sự điều phối liên ngành có hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển bền vững kinh tế biển;

hoàn thiện cơ chế điều phối thống nhất, đồng bộ các vấn đề liên ngành, liên vùng trong quản lý và phát triển kinh tế biển; tăng cường năng lực quản trị biển, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản, tài nguyên và môi trường biển; kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư ven biển, khu công nghiệp, khu đô thị ven biển; xử lý nghiêm các hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng khơi thông nguồn lực để phát triển kinh tế biển

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo phân cấp về đất đai, đầu tư, môi trường và các lĩnh vực liên quan nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, chông chéo, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp để thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế biển bền vững. Tập trung xây dựng, triển khai Đề án cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh cho đặc khu Lý Sơn.

- Rà soát cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai phân vùng khai thác sử dụng không gian biển trong quy hoạch tỉnh; phân vùng chức năng khu vực biển cho các ngành kinh tế biển.

3. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển

- Du lịch và dịch vụ biển: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa, lịch sử, tài nguyên thiên nhiên và bản sắc con người Quảng Ngãi để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với hạt nhân tam giác phát triển: Trung tâm du lịch biển đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Tăng cường kết nối các tuyến du lịch từ vùng biển đến vùng rừng núi. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê theo định hướng khu du lịch quốc gia; thu hút đầu tư các khu nghỉ dưỡng biển, tổ hợp dịch vụ, giải trí cao cấp, đô thị biển có thương hiệu mạnh, gắn với bảo tồn văn hoá biển, đảo. Chú trọng phát triển các sản phẩm chất lượng cao, có bản sắc riêng và lợi thế cạnh tranh như du lịch địa chất, khảo cổ, nghỉ dưỡng, sinh thái và chăm sóc sức khỏe phù hợp xu hướng thị trường. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, liên kết hợp tác phát triển du lịch; mở rộng thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế; ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng các tiêu chí du lịch xanh, du lịch bền vững trong quản lý và khai thác tài nguyên du lịch biển.

- Công nghiệp: Phát triển công nghiệp biển theo hướng hiện đại, bền vững, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh; ưu tiên phát triển các ngành

công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, thân thiện môi trường và có giá trị gia tăng cao. Tập trung thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển các ngành kinh tế biển. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm tại Khu kinh tế Dung Quất như lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí, công nghiệp khí, công nghiệp hỗ trợ; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp quy hoạch, gắn với đổi mới công nghệ theo hướng xanh, tuần hoàn và phát thải thấp. Kiên quyết sàng lọc, không thu hút các dự án tiêu hao nhiều năng lượng, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Kinh tế hàng hải: Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics, kết nối đồng bộ, hiệu quả với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, tự động hóa trong quản lý, khai thác cảng biển. Khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển hệ thống cảng theo cụm, kết nối thuận lợi với đường bộ, tạo điều kiện hình thành các cảng đầu mối có quy mô lớn. Phát triển công nghiệp đóng tàu, sửa chữa tàu biển theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở sửa chữa, đóng tàu hiện hữu.

- Nuôi trồng và khai thác thủy sản: Phát triển hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu nghề cá phù hợp với nguồn lợi và điều kiện thực tế. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nghề cá; ứng dụng công nghệ trong quản lý, giám sát hoạt động tàu cá nhằm nâng cao hiệu quả theo dõi, kiểm soát khai thác thủy sản. Tăng cường tuyên truyền, vận động ngư dân chấp hành nghiêm các quy định pháp luật; nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển, kiên quyết xử lý các hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Đồng thời, xây dựng chính sách hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, phát huy vai trò các nghiệp đoàn nghề cá; nâng cao năng lực khai thác xa bờ, giảm dần khai thác ven bờ gắn với bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản. Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, hệ thống bảo quản, chế biến thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành; ưu tiên phát triển các chuỗi giá trị thủy sản chủ lực, sản phẩm đặc hữu gắn với chỉ dẫn địa lý, thương hiệu và thị trường tiêu thụ. Quy hoạch, mở rộng nuôi trồng thủy sản lồng bè trên biển phù hợp với quy hoạch Khu bảo tồn biển; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản phù hợp điều kiện tự nhiên của tỉnh.

- Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Phát triển hợp lý và đa dạng hóa các nguồn năng lượng, trong đó khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác điện gió ngoài khơi, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác; ứng dụng khoa học - công nghệ để nghiên cứu, sản xuất được phẩm từ sinh vật biển.

- Chế biến, khai thác các loại tài nguyên, khoáng sản biển: Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản biển, đặc biệt

là cát biển. Phát triển diêm nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, đạt năng suất ở địa phương có truyền thống sản xuất muối.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển

- Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các hoạt động kinh tế biển; ưu tiên triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ điều tra cơ bản; quan trắc, giám sát, dự báo môi trường biển; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển; triển khai hệ thống quản trị, giám sát môi trường trên nền tảng số tại khu kinh tế, khu công nghiệp và cảng biển của tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế biển theo hướng bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp; ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế biển mũi nhọn như logistics, công nghiệp biển, du lịch biển, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho lao động vùng ven biển; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; phát triển nguồn lao động kỹ thuật tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển.

Tăng cường giáo dục về biển và đại dương trong hệ thống giáo dục; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý nhà nước về biển; có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển của tỉnh.

5. Phát huy vai trò động lực của Khu kinh tế Dung Quất trong phát triển kinh tế biển của tỉnh

- Thu hút đầu tư có chọn lọc vào Khu kinh tế Dung Quất, ưu tiên các dự án công nghiệp ven biển, dịch vụ logistics gắn với cảng nước sâu Dung Quất có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, các dự án phát triển hạ tầng, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ có giá trị cao, thân thiện với môi trường phù hợp với ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh. Tập trung thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn để dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đảm bảo phù hợp với các quy hoạch được duyệt. Tăng cường thúc đẩy liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y với Khu kinh tế Chu Lai, góp phần hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước.

- Thúc đẩy sớm hình thành và phát huy hiệu quả Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất thông qua các cơ chế, chính sách đặc thù. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt bảo đảm tính thống nhất giữa quy hoạch tỉnh, quy hoạch Khu kinh tế và quy hoạch ngành.

- Phát huy vai trò trung tâm của Khu kinh tế Dung Quất trong chuỗi cung ứng công nghiệp, hoạt động cảng biển Dung Quất với nhu cầu xuất nhập khẩu nguyên, nhiên liệu, thiết bị siêu trường siêu trọng, tăng cường kết nối hạ tầng cảng biển với hệ thống giao thông đường bộ, khu công nghiệp và kho bãi sau cảng, nâng cao hiệu quả khai thác và giảm chi phí logistics, gắn phát triển cảng biển với chuỗi cung ứng công nghiệp - năng lượng của Khu kinh tế Dung Quất.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực để thúc đẩy tăng trưởng của các ngành kinh tế biển, là nền tảng cho phát triển xã hội và kinh tế số; hình thành các khu đô thị sinh thái xanh ở vùng ven biển và đặc khu Lý Sơn

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia. Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, nhất là theo phương thức đối tác công tư để đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm, có tính chất lan tỏa, đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng công nghiệp ven biển, ưu tiên hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng số, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Huy động và ưu tiên nguồn lực để hoàn thiện kết cấu hạ tầng trọng điểm tại Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, hành lang giao thông Đông - Tây, tăng cường kết nối Khu kinh tế Dung Quất với khu vực Tây Nguyên, đáp ứng yêu cầu phát triển và nhu cầu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tập trung xây dựng cảng biển trở thành điểm trung chuyển gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch. Ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung, hạ tầng giao thông kết nối cảng biển với khu công nghiệp, khu đô thị và các khu tái định cư.

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông kết nối với sân bay Chu Lai; xây dựng Đề án Cảng hàng không Lý Sơn, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cập nhật vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

- Phát triển hệ thống đô thị biển theo hướng đô thị sinh thái, hiện đại, văn minh, giàu bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước mở rộng không gian đô thị hướng ra biển, hình thành chuỗi đô thị ven biển ở khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất, đặc khu Lý Sơn, xã Tịnh Khê, ... Gắn kết chặt chẽ phát triển đô thị biển với Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp ven biển, hệ thống cảng biển và các trung tâm dịch vụ, du lịch biển.

- Nâng cấp hệ thống đê, kè sông, kè biển, cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo hướng đồng bộ, hiện đại; đáp ứng yêu cầu phát triển dịch vụ hậu cần

nghe cá, nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản. Đồng thời, bảo đảm an toàn cho tàu cá và ngư dân, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển bền vững ngành thủy sản.

7. Xây dựng một nền kinh tế biển có trách nhiệm, gắn bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; tăng cường công tác quản lý, khoanh vùng, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái biển quan trọng như rừng ngập mặn, rạn san hô, cỏ biển, đất ngập nước; trồng mới và phục hồi tăng tỷ lệ rừng trồng ven biển gắn với sinh kế, làm giảm tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến đời sống của người dân ven biển. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý khu bảo tồn biển Lý Sơn và các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng cơ chế tài chính bền vững cho hoạt động bảo tồn và phát triển hệ sinh thái biển.

- Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường; nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giao khu vực biển, hoạt động nhận chìm ở biển và các hoạt động sản xuất, kinh doanh có xả thải tại vùng cửa sông, ven biển và hải đảo; bảo đảm tuân thủ các tiêu chí bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu thực hiện lần biển tại một số khu vực phù hợp nhằm mở rộng không gian, quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm không làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển; giữ gìn các giá trị văn hóa - lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và bảo đảm quyền tiếp cận biển của người dân.

- Kiểm soát chặt chẽ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ các hoạt động trên biển, các nguồn thải từ đất liền và từ biển; triển khai hiệu quả kế hoạch quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát môi trường biển, trước mắt tập trung ở các khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch ven biển, đảo. Phòng ngừa, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường và có biện pháp ngăn chặn sự cố ô nhiễm môi trường ở khu vực ven biển, đảo của tỉnh. Rà soát, xác định các khu vực cấm hoặc hạn chế xả thải; nâng cao hiệu quả quản lý, xử lý rác thải, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường và thực hiện nghiêm túc trách nhiệm bồi thường của tổ chức, cá nhân khi để xảy ra ô nhiễm môi trường biển.

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống đê biển; công trình phòng, chống thiên tai; phòng, chống xói lở bờ biển, quản lý bảo vệ bờ biển và cảnh quan tự nhiên, không gian biển. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, xâm

nhập mặn.

8. Nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường xây dựng thiết chế văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Cải thiện sinh kế và nâng cao mức sống cho người dân ở vùng ven biển, hải đảo của tỉnh trong đó triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo ở các xã bãi ngang ven biển; xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa biển, phát huy bản sắc và giữ gìn, tôn tạo các giá trị văn hóa, lịch sử ở vùng ven biển, hải đảo của tỉnh như lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế xanh, du lịch bền vững...

- Nâng cao năng lực phòng bệnh, khám, chữa bệnh cho người dân, bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ y tế thiết yếu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Trung tâm Y tế quân dân y đặc khu Lý Sơn và các trạm Y tế tại các xã, phường ven biển; tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị từ nguồn ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cung cấp dịch vụ y tế; từng bước triển khai bệnh án điện tử và các nền tảng y tế số theo lộ trình. Thành lập, tổ chức hiệu quả các tổ cấp cứu phục vụ Nhân dân tại đặc khu Lý Sơn và hỗ trợ ngư dân hoạt động khai thác trên biển.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư có mục tiêu hạ tầng kinh tế - xã hội đặc biệt là điện, nước sạch, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục cơ bản đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của người dân tại các xã, phường ven biển và đặc khu Lý Sơn.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế

- Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ, theo hướng hiện đại, tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; đảm bảo năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển. Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, các dự án phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng chấp pháp trên biển đảm bảo cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Chủ động ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu, an ninh hàng hải và dịch bệnh; bảo đảm an ninh, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân tại khu vực biên giới biển. Phát triển đội tàu cá theo hướng hiện đại, có chính sách khuyến khích ngư dân mở rộng ngư trường, tham gia đánh bắt xa bờ góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo của Tổ quốc.

- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tăng cường mở rộng và hợp tác quốc

tế trong phát triển kinh tế biển, nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ môi trường, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực biển; tham gia tích cực trong các diễn đàn về biển và đại dương.

10. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tập trung phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh

- Đa dạng hoá, huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế biển; mở rộng các hình thức hợp tác công - tư; hỗ trợ các doanh nghiệp có vai trò nòng cốt, dẫn dắt có năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực như dầu khí, công nghiệp biển, logistics,...

- Xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư, kinh doanh, có sức cạnh tranh để phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ ven biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, trở thành động lực tăng trưởng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, thông thoáng góp phần kêu gọi đầu tư. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án phát triển hạ tầng, năng lượng tái tạo, logistics, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ cao thân thiện với môi trường; thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, tạo chuỗi liên kết để phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Nghị quyết này thành các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch với lộ trình, kết quả và phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân có liên quan; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tham mưu phổ biến, quán triệt Nghị

quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

T/M TỈNH ỦY

- Thường trực Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng TW và các vụ địa phương (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy: các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.